

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /SNN&PTNT-PTNT  
Vv xin ý kiến đóng góp vào Dự thảo đề  
án cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất  
thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi  
trường nông thôn giai đoạn 2023-2027  
(lần 2)

Thanh Hóa, ngày tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, theo đó Sở Nông nghiệp và PTNT được giao xây dựng Cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn giai đoạn 2023-2027.

Tiếp thu ý kiến tham gia lần 1 của các Sở, Ngành, địa phương; Sở Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện nội dung Dự thảo lần 2 chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn giai đoạn 2023-2027.

Để hoàn thiện Cơ chế, chính sách, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các Sở, Ban, Ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham gia ý kiến về nội dung của bản Dự thảo lần 2 (*Có dự thảo kèm theo*). Văn bản tham gia ý kiến xin gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày **12/8/2022** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Đề nghị các Sở, Ban, Ngành và các địa phương phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, PTNT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Cường**

Thanh Hoá, ngày tháng 8 năm 2022

Dự thảo 2

## CHÍNH SÁCH

### **Hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn giai đoạn 2023-2027**

#### MỞ ĐẦU

#### 1. Sự cần thiết xây dựng chính sách

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, cùng với phong trào xây dựng nông thôn mới, công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý chất thải, nước thải ở vùng nông thôn đã có sự chuyển biến tích cực. Các chiến dịch trồng cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, xây dựng đời sống văn hoá được triển khai và duy trì tốt ở nhiều khu dân cư, góp phần xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. Nhờ đó, bộ mặt nhiều vùng nông thôn đã có nhiều thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, những thành tựu đó vẫn chưa đồng đều giữa các vùng; nước, không khí, đất sản xuất tại khu vực nông thôn tiềm ẩn nguy cơ ngày càng ô nhiễm. Theo thống kê, mỗi năm ở khu vực nông thôn phát sinh hàng triệu tấn rác thải, trong đó có khoảng 80% khối lượng rác thải, nước thải sinh hoạt, phụ phẩm trong trồng trọt, chất thải từ hoạt động chăn nuôi, vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu - loại rác thải nguy hại chưa được thu gom xử lý hợp vệ sinh mà xả trực tiếp ra môi trường... làm cho nguồn nước, không khí nông thôn bị ô nhiễm. Bên cạnh đó, việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc kích thích tăng trưởng, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) không đúng quy trình kỹ thuật cũng gây nguy hại cho môi trường. Theo đó, một số bệnh dịch đã lây lan, gây thiệt hại lớn về kinh tế và đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe nhân dân.

Nguyên nhân của tình trạng trên là ý thức bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư sinh sống và sản xuất tại các khu vực nông thôn chưa cao; nhận thức về nguy cơ ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn và những tác động tiêu cực của tình trạng ô nhiễm môi trường đến đời sống kinh tế - xã hội và sức khỏe người dân của một số cấp chính quyền cơ sở chưa đầy đủ; đội ngũ cán bộ quản lý môi trường của cơ sở còn thiếu và yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; nguồn ngân sách đầu tư cho bảo vệ môi trường còn hạn chế. Chưa có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cá nhân và tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

Xây dựng các vùng nông thôn xanh, sạch, đẹp là đòi hỏi cấp thiết trong tiến trình hội nhập và phát triển. Vì vậy, để cải thiện môi trường nông thôn, góp phần có hiệu quả việc bảo vệ sức khỏe của người dân gắn với xây dựng nông thôn mới, để thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 04/6/2021 của

UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì việc xây dựng và ban hành Cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn giai đoạn 2023-2027 là rất cần thiết.

## **2. Căn cứ xây dựng chính sách**

- Kết luận số 56 ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó Biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

- Luật Thú y số 79/2015/QH13;

- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 29/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác kiểm soát, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và Chỉ thị số 9729/CT-BNN-KHCN ngày 17/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách nhằm tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 13/4/2015 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 8/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi;

- Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Tài nguyên môi trường và Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

- Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác;

- Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1368/QĐ-BNN-CN ngày 01/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

- Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 04/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

### **3. Phạm vi nghiên cứu**

Chính sách được nghiên cứu tại địa bàn khu vực nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

#### **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ CHẤT THẢI, XÂY DỰNG CẢNH QUAN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2017-2021**

#### **I. HIỆN TRẠNG CHẤT THẢI NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2017-2021**

##### **1. Lĩnh vực trồng trọt**

- *Phụ phẩm cây trồng trong sản xuất lúa, ngô:*

Phụ phẩm cây trồng (là sản phẩm phụ phát sinh trong quá trình tiến hành hoạt động chăm sóc, thu hoạch, sơ chế sản phẩm cây trồng tại khu vực canh tác cây trồng) phát sinh ra ngoài môi trường hàng năm khoảng 12 - 15 triệu tấn, trong đó được tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng với nhiều mục đích: 0,5% được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất nấm, 6% được sử dụng làm nguyên liệu phân hữu cơ, 90% được cày lồng (rom, rạ...) làm nguồn phân hữu cơ cho đất cho sản xuất vụ sau, 1,5 % phục vụ chăn nuôi gia súc (lá ngô, rom, rạ.); phụ phẩm cây trồng được người dân đốt, tiêu hủy ngay tại ruộng ước tính 2%.

*- Bao bì, rác thải nhựa trong sản xuất trồng trọt:*

Vỏ bao bì, rác thải nhựa trong sản xuất trồng trọt, bảo vệ thực vật ước tính 539 tấn, trong đó: giống lúa, ngô 132 tấn (01 tấn giống lúa, ngô sử dụng khoảng 10 - 12 kg vỏ bao), giống rau 2 tấn (1 tấn hạt giống rau sử dụng hết khoảng 35 kg vỏ bao), nilon che phủ mạ, chắn chuột khoảng 265 tấn; màng phủ nông nghiệp: 140 tấn.

Lượng bao bì, thiết bị nhựa,... trong sản xuất rau, sản xuất nấm, nilon che phủ mạ, màng phủ giữ ẩm cho đất trong kỹ thuật canh tác lạc, dưa hấu... thải bỏ và chưa được thu gom, xử lý đúng quy cách với khối lượng thu được ước tính khoảng 3 - 5 tấn.

Toàn tỉnh hiện tại mới có trên 25.000 bể chứa vỏ thuốc, chai lọ BVTV, bao nilon... phần lớn được xử lý, tiêu hủy thủ công ở các địa phương.

*- Vỏ bao bì, chai lọ nhựa trong sử dụng thuốc BVTV:*

Trước đây vỏ bao gói thuốc BVTV bao gồm cả chất liệu thủy tinh, chai nhựa lớn; hiện nay thuốc BVTV được đóng chủ yếu trong các vỏ polyester, dung tích thuốc nhỏ, lượng thuốc BVTV dùng ít hơn nhiều so với những năm trước. Ước tính thì lượng tiêu thụ thuốc BVTV trên địa bàn những năm gần đây khoảng 70-100 tấn/ năm, lượng vỏ bao gói thuốc thải ra môi trường khoảng 7-10 tấn.

*- Bao bì rác thải, chai nhựa trong sử dụng phân bón:*

Hàng năm lượng bao bì nhựa, thiết bị nhựa,... chứa đựng phân bón ước khoảng 40-50 tấn, phần lớn sau khi dùng xong, bao bì được thu gom tái chế hạt nhựa, hoặc tận dụng làm vật chứa, đựng trong gia đình, số lượng còn lại khoảng 2,5 - 3,0 tấn thải bỏ và chưa được thu gom, xử lý đúng quy cách theo quy định. Biện pháp xử lý đối với rác thải này phần lớn bằng cách đốt hoặc tiêu hủy thủ công ở các địa phương.

Thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển chất thải nguy hại (CTNH) đối với các chủ nguồn thải có số lượng chất thải nguy hại phát sinh dưới 600kg/năm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, các huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai, theo đó có nội dung quy định về thu gom bao bì rác thải, chai nhựa. Đến nay, một số huyện đã hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom cho toàn bộ bì rác thải, chai nhựa ở các xã để đưa đi xử lý, còn lại rác thải thông thường được đốt ngay tại thùng chứa.

## 2. Lĩnh vực chăn nuôi

Theo số liệu thống kê của các huyện, thị xã, thành phố năm 2021, đàn bò toàn tỉnh đạt 265 nghìn con/năm (trong đó: số chăn nuôi nông hộ: 128.951 hộ, trang trại quy mô nhỏ: 8 trang trại, trang trại quy mô vừa: 2, trang trại quy mô lớn: 5); đàn trâu đạt 195 nghìn con/năm (trong đó: số chăn nuôi nông hộ: 107.909 hộ, trang trại quy mô nhỏ: 5 trang trại); đàn lợn đạt 1.200 nghìn con/năm (trong đó: số chăn nuôi nông hộ: 92.399 hộ, trang trại quy mô nhỏ: 859 trang trại, trang trại quy mô vừa: 338, trang trại quy mô lớn: 51); gia cầm đạt: 23,7 nghìn con/năm (trong đó: số chăn nuôi nông hộ: 503.566 hộ, trang trại quy mô nhỏ: 1.500 trang trại, trang trại quy mô vừa: 415, trang trại quy mô lớn: 11).

Ước tính Tổng lượng chất thải rắn phát sinh 3.078.000 tấn/năm (trong đó: lượng chất thải từ bò: 969.000 tấn/năm; trâu: 1.085.000 tấn/năm; lợn: 872.000 tấn/năm; gia cầm: 152.000 tấn/năm)<sup>1</sup>. Tổng lượng nước thải phát sinh là: 20.414 triệu lít/năm (trong đó: lượng nước thải phát sinh từ bò: 1.806 triệu lít/năm; trâu: 1.872 triệu lít/năm; lợn: 12.205 triệu lít; gia cầm: 4.531 triệu lít)<sup>2</sup>. Phương pháp xử lý chính vẫn qua hệ thống hầm biogas, trong đó: 15% bò, 5% trâu, 70% lợn và 5% đối với gia cầm.

Số lượng cơ sở giết mổ theo thống kê của các huyện, thị xã, thành phố năm 2021: 1.415 cơ sở (trong đó: cơ sở giết mổ trâu, bò: 103 cơ sở; cơ sở giết mổ lợn: 1.176 cơ sở; cơ sở giết mổ gia cầm: 103 cơ sở; cơ sở giết mổ khác: 33 cơ sở)<sup>3</sup>. Ước tính tổng lượng chất thải rắn phát sinh tại các cơ sở giết mổ là: 48.726 tấn/năm, trong đó: Phát sinh chất thải rắn của bò: 13.140 tấn/năm, trâu: 7.118 tấn/năm, lợn: 19.710 tấn/năm, gia cầm: 8.760 tấn/năm; Phương pháp xử lý chính vẫn qua hệ thống hầm biogas, trong đó: 85% bò, 85% trâu, 90% lợn và 60% đối với gia cầm. Tổng lượng nước thải phát sinh tại các cơ sở giết mổ là: 187.063 m<sup>3</sup>/năm, trong đó nước thải bò: 21.900 m<sup>3</sup>/năm, trâu: 11.863 m<sup>3</sup>/năm, lợn: 98.550 m<sup>3</sup>/năm, gia cầm: 54.750 m<sup>3</sup>/năm. Phương pháp xử lý phổ biến vẫn là xử lý bằng thu gom hoặc xử lý qua hầm biogas, trong đó: 5% bò, 85% trâu, 90% lợn và 60% đối với gia cầm.

## 3. Lĩnh vực thủy sản

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh Thanh Hóa là 19.200 ha, trong đó: diện tích nuôi nước ngọt 14.100 ha; diện tích nuôi tôm sú 3.600 ha; diện tích ha nuôi tôm thẻ chân trắng 500ha; diện tích nuôi ngao 1.250 ha; nuôi cá lồng biển 3.384 ô lồng. Việc phát sinh chất thải chủ yếu ở hoạt động nuôi thâm canh (tôm chân trắng, cá) và nuôi cá lồng.

<sup>1</sup> Lượng chất thải rắn phát sinh: Bò: 10 kg/con/ngày; Trâu: 15 kg/con/ngày; Lợn: 2,5 kg/con/ngày; Gia cầm: 0,2 kg/con/ngày

<sup>2</sup> Lượng nước thải phát sinh trung bình: Bò: 20 lít/con/ngày; Trâu: 20 lít/con/ngày; Lợn: 35 lít/con/ngày; Gia cầm: 0,6 lít/con/ngày

<sup>3</sup> - Quy mô giết mổ lợn trên địa bàn có công suất ≤ 5 con/ngày, đêm có 1126 cơ sở; từ 05 – 20 con/ngày, đêm: 42 cơ sở; từ > 20 con/ngày, đêm 8 cơ sở.

- Quy mô giết mổ trâu, bò trên địa bàn công suất ≤ 5 con/ngày, đêm có 100 cơ sở; từ 05 – 10 con/ngày, đêm 2 cơ sở; từ > 10 con/ngày, đêm 1 cơ sở.

- Quy mô giết mổ gia cầm trên địa bàn có công suất ≤ 100 con/ngày, đêm 100 cơ sở; từ 100 – 200 con/ngày, đêm 2 cơ sở; > 200 con/ngày, đêm 1 cơ sở.

*- Thức ăn dư thừa:*

Thức ăn dư thừa trong nuôi trồng thủy hiện nay tập trung ở đối tượng nuôi tôm chân trắng thâm canh (diện tích 500 ha, tập trung tại các vùng nuôi ven biển) và cá biển biển nuôi lồng với số lượng 3.384 ô lồng. Hiện nay, việc thu gom, xử lý thức ăn dư thừa còn hạn chế chiếm 10%, biện pháp xử lý là được thu gom vào các ao nuôi và làm thức ăn cho cá.

*- Vỏ bao bì đựng thức ăn, thuốc thú y:*

Hàng năm lượng bao bì nhựa, thiết bị nhựa,...chứa đựng thức ăn thuốc thú y ước khoảng 40-50 tấn, phần lớn sau khi dùng xong, bao bì được thu gom tái chế, hoặc tận dụng làm vật chứa, đựng trong gia đình, số lượng còn lại khoảng 3 - 4 tấn thải bỏ và chưa được thu gom, xử lý đúng quy cách theo quy định.

*- Nước thải:*

Với diện tích nuôi tôm chân trắng thâm canh toàn tỉnh 500 ha nuôi từ 1-2 vụ/năm. Nguồn nước thải trong một vụ nuôi tôm thường có thể đạt đến 25.000 - 35.000 m<sup>3</sup>/ha nên hàng năm nước thải trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 15-20 triệu m<sup>3</sup> nước thải. Trong đó có khoảng 10% được xử lý trước khi thải ra môi trường bằng việc nuôi cá rô phi, cá đối (cá ăn mùn bã hữu cơ).

*- Bùn thải:*

+ Đối với nuôi cá nước ngọt: Nguồn phát sinh bùn thải chủ yếu do lượng phù sa trong nước. Bùn thải sau mỗi vụ nuôi, được nạo vét, bơm hút lên vườn làm đất trồng cây.

+ Đối với nuôi tôm thâm canh: Diện tích nuôi 570ha; nguồn phát sinh bùn thải chủ yếu do lượng phù sa trong nước, thức ăn dư thừa, phân thải ra từ thủy sản nuôi. Bùn thải ao nuôi tôm của một số hộ áp dụng nuôi tôm theo mô hình VietGAP, ứng dụng công nghệ cao thì được bơm lên bãi chứa sau đó được thu gom đi chôn lấp hoặc sử dụng vào mục đích nông nghiệp, còn lại đa phần bùn thải từ các hộ nuôi trồng đều thải bỏ trực tiếp ra vào ao hồ, sông xung quanh. Ước tính mỗi ha tôm hàng năm sẽ cho ra khoảng 1,5-2 tấn bùn thải.

*- Các loại chất thải khác:*

Ngoài các chất thải trên, trong nuôi trồng thủy sản còn phát sinh các loại chất thải như: nilon làm nhà lưới, bạt lót ao nuôi tôm, ống nhựa dẫn nước, dây buộc nhựa; chất thải dầu mỡ từ việc vận hành hệ thống máy móc (máy bơm nước, sục khí, phát điện), v.v...

#### **4. Lĩnh vực lâm nghiệp**

*- Túi bầu PE, bao bì phân bón, thuốc BVTV:*

+ Hiện trạng phát sinh: Phát sinh trong quá trình gieo ươm cây giống, trồng, chăm sóc rừng trồng tập trung và trồng cây phân tán.

+ Hiện trạng thu gom, xử lý: Đã được người dân thu gom, xử lý tập trung (đốt, chôn...). Năm 2021, phát sinh khoảng 29 tấn túi bầu PE; 0,6 tấn vỏ bao bì phân bón, thuốc BVTV bằng 90% so với năm 2018.

- Mùn cưa, dầu máy:

+ Hiện trạng phát sinh: Phát sinh trong quá trình khai thác và chế biến gỗ.

+ Hiện trạng thu gom, xử lý: 100% mùn cưa, dầu máy được tận dụng làm chất đốt, sử dụng trong gia đình. Năm 2021, phát sinh khoảng 500 tấn mùn cưa, gỗ vụn; 2 tấn dầu máy.

Hầu hết các chất thải nêu trên đều được xử lý tại chỗ.

## **5. Hiện trạng môi trường làng nghề**

Hiện nay, có 116 nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống đã được UBND tỉnh công nhận. Nhìn chung các làng nghề và làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh đều chấp hành nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường như: có phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Điều 56, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 33, Điều 34 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng của UBND xã và Công ty môi trường trên địa bàn; Chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ vào thùng tại khu vực bố trí theo quy định.

Tuy nhiên, về công tác thu gom, xử lý chất thải tại một số làng nghề vẫn tồn tại những hạn chế:

- Nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung ở các làng nghề, làng nghề truyền thống tại các địa phương chưa được đầu tư; nước thải chủ yếu xử lý qua các bể phốt tại các hộ gia đình sau đổ ra mương, rãnh trong khu dân cư thoát ra môi trường bên ngoài (Có 02 làng nghề chế biến thủy sản tại phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn lượng nước thải này không được thu gom, thải trực tiếp ra môi trường xung quanh, có những chỗ nước đọng bốc mùi hôi, thổi gây ô nhiễm môi trường).

- Khí thải: Qua kiểm tra các làng nghề, trong đó có 5 làng nghề, làng nghề truyền thống chưa có biện pháp thu gom khí thải dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường, như: 03 làng nghề rèn truyền thống thôn Ngọ, thôn Bùi và thôn Sơn xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc khí thải bụi than phát sinh từ lò nung, lò luyện.... làng nghề mộc truyền thống thôn Hạ Vũ xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa khí bụi phát sinh trong quá trình cắt, xẻ, bào đánh bóng sản phẩm Làng nghề chế tác đá làng Mai, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc khí thải bụi đá phát sinh trong cắt, xẻ, mài đá nguyên liệu.

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại: Lượng chất thải này được các hộ trong làng nghề phân loại cụ thể và thu gom vào các thùng chứa theo quy định; hàng tuần vào các ngày quy định sẽ có đội thu gom rác thải sinh hoạt đi thu gom bằng xe chuyên dụng chuyên về bãi tập kết, sau đó sẽ được đơn vị thu gom chuyên đi xử lý đúng quy định theo phương án xử lý rác thải của xã.



## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ CHẤT THẢI, XÂY DỰNG CẢNH QUAN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**

### **1. Lĩnh vực trồng trọt**

Đối với phụ phẩm trồng trọt như rơm rạ, vỏ trấu, tàn dư cây trồng sau thu hoạch,...hiện nay chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ việc thu gom, xử lý. Nguồn phụ phẩm phần lớn do nhân dân chủ động tận dụng làm thức ăn gia súc, làm phân bón, ủ gốc cây trồng, che phủ đất, phơi khô làm chất đốt, sử dụng để trồng nấm (rơm rạ)... Tuy nhiên, một lượng không nhỏ rơm rạ được người dân đốt trên đồng ruộng, gây ô nhiễm môi trường; đặc biệt tại các khu vực gần khu dân cư, đường giao thông, việc đốt rơm rạ tạo ra lượng khói lớn ảnh hưởng đến sức khỏe của con người.

Đối với chất thải là vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV, đã có nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh giao các đoàn thể chính trị xã hội như Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, hoặc các HTX nông nghiệp để xây dựng bể chứa và tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức người dân trong sử dụng và thu gom vỏ thuốc BVTV đúng nơi quy định. Hình thức hỗ trợ chủ yếu: xã hỗ trợ xi măng, nguyên vật liệu, nhân dân đóng góp công lao động, giao các đoàn thể tổ chức thực hiện. Việc xây dựng các bể chứa đã phát huy hiệu quả, vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau khi sử dụng được thu gom, hạn chế ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, nhiều nơi ý thức của người dân chưa cao, chưa tự giác thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV đúng nơi, còn vứt bừa bãi ra bờ ruộng, kênh mương làm ô nhiễm môi trường đất, nước, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và sức khỏe con người. Đôi khi vứt cả những loại rác thải khác, tàn dư cây trồng vào bể chứa, làm bể nhanh đầy, không phát huy được hiệu quả.

### **2. Lĩnh vực chăn nuôi**

Thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông; trong đó có hạng mục hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý môi trường trong chăn nuôi (ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách tỉnh 50%). Chính sách đã giúp cho chăn nuôi nông hộ từng bước khắc phục được nhược điểm, hạn chế trong vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, đã hỗ trợ xây dựng được trên 5.000 công trình khí sinh học (Biogas) và trên 2.000 hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học để xử lý vấn đề môi trường trong chăn nuôi. Hội làm vườn và Trang trại tỉnh thực hiện dự án chăn nuôi trên đệm lót sinh học tại Thanh Hóa, từ xây dựng mô hình ban đầu, đến nay đã nhân rộng ra các huyện trong tỉnh.

### **3. Lĩnh vực thủy sản**

Trong thời gian, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chính sách, chương trình phát triển kinh tế thủy sản như Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng

mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi. Bên cạnh đó, thực hiện Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025”, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thường xuyên tuyên truyền đến các chủ tàu cá, ngư dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường biển, không xả rác thải, ngư cụ hư hỏng xuống biển mà thực hiện thu gom, phân loại và tập trung đúng nơi quy định tại các cảng cá và nơi neo đậu tự nhiên. Tuy nhiên, do việc khai thác nhiều ngày trên biển, nguồn phát sinh rác thải, chất thải trong quá trình khai thác chủ yếu là rác thải sinh hoạt, chưa có các vật liệu khác thân thiện với môi trường thay thế các vật tư, dụng cụ nhựa 1 lần sử dụng trên tàu khai thác thủy sản còn các loại ngư cụ hư hỏng thường được ngư dân thu gom để tái sử dụng. Trên thực tế, lượng rác thải trong môi trường thủy sản chưa nhiều.

#### **4. Về lĩnh vực lâm nghiệp**

Lượng rác thải gây nguy hại trên lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp chưa nhiều; nhà nước chưa ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải trong lĩnh vực lâm nghiệp.

### **III. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Những hạn chế, yếu kém**

- Vẫn còn tình trạng xử lý chất thải, phụ phẩm trong trồng trọt không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Kinh phí hỗ trợ cho công tác thu gom xử lý chất thải, phụ phẩm trong trồng trọt còn hạn chế.

- Tình trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm xen kẽ trong các khu dân cư trên địa bàn các huyện hiện nay vẫn còn tồn tại trong nhân dân do phát triển kinh tế hộ của sản xuất nhỏ vẫn phải duy trì để bảo đảm đời sống hộ gia đình và bảo đảm an sinh xã hội trong cộng đồng dân cư. Việc xử lý chất thải, nước thải không triệt để sẽ trở thành ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn; đặc biệt tại các huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng kinh tế khó khăn người chăn nuôi chưa tiếp cận được nhiều với kỹ thuật chăn nuôi đảm bảo các điều kiện an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và các chính sách hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi.

- Tập quán chăn nuôi thả rông, (trâu bò và vịt chạy đồng) phương thức chăn nuôi này không kiểm soát chất thải chăn nuôi, gây ô nhiễm môi trường sống cho chính các hộ chăn nuôi.

- Một số các trang trại chăn nuôi, hệ thống xử lý chất thải đã lạc hậu, chưa được cải tạo, nâng cấp dẫn tới tình trạng ô nhiễm môi trường.

#### **2. Nguyên nhân**

##### *2.1. Nguyên nhân khách quan:*

- Diện tích gieo trồng cây hàng năm lớn, lượng phụ phẩm cây trồng, vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV thải ra môi trường tương đối nhiều trong khi chưa có các cơ sở thu gom, xử lý phụ phẩm trong trồng trọt.

- Địa hình phức tạp, rộng lớn chăn nuôi nhỏ lẻ, lạc hậu còn chiếm tỷ lệ cao, việc chuyển giao công nghệ kỹ thuật chăn nuôi gặp nhiều khó khăn.

## 2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn người dân trong sử dụng thuốc BVTV và thu gom xử lý vỏ bao bì, chai lọ sau sử dụng ở nhiều nơi còn hạn chế.

- Ý thức của người dân trong việc xử lý phụ phẩm cây trồng, thu gom bao bì thuốc BVTV một số nơi chưa cao.

- Hình thức chăn nuôi nông hộ chiếm 65-70% tổng đàn gia súc, gia cầm của toàn tỉnh. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong xử lý môi trường tại các trang trại chăn nuôi, hộ chăn nuôi còn nhiều hạn chế.

- Chưa có chính sách hỗ trợ của nhà nước trong việc thu gom, xử lý rác thải trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

### 1. Đánh giá chung

#### 1.1. Lĩnh vực trồng trọt:

Các cơ chế, chính sách của tỉnh ban hành trong thời gian qua được các địa phương, doanh nghiệp và người dân đồng tình ủng hộ; triển khai thực hiện tích cực, có hiệu quả, góp phần tích tụ ruộng đất, phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng quy mô lớn, tập trung, khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu trong sản xuất, nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, chuyển đổi cơ cấu giống, chủ động được nguồn giống tốt... Ngoài nguồn vốn đầu tư của ngân sách Nhà nước, đã huy động được các nguồn vốn khác để phát triển các sản phẩm nông nghiệp lợi thế; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tạo điều kiện cho nông dân mở rộng sản xuất, đồng thời có các hợp tác xã, doanh nghiệp là cầu nối cho tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân; góp phần phát triển các chuỗi liên kết sản xuất.

Tuy nhiên, cơ chế, chính sách hỗ trợ cho công tác thu gom, xử lý các phụ phẩm, chất thải trong nông nghiệp chưa được ban hành. Ý thức của một bộ phận không nhỏ người dân trong xử lý chất thải, phụ phẩm trồng trọt chưa cao, chưa có nhiều doanh nghiệp, cơ sở đầu tư lĩnh vực xử lý chất thải, phụ phẩm nông nghiệp.

#### 1.2. Lĩnh vực chăn nuôi:

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ đã góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Cùng với chính sách của Trung ương, tỉnh Thanh Hóa đã chủ động ban

hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh và cân đối bố trí nguồn lực thực hiện hàng năm. Qua quá trình triển khai đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Công tác xử lý môi trường trong chăn nuôi đã có nhiều chuyển biến tích cực, hầu hết các hộ chăn nuôi đã xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi như hệ thống bể biogas, chăn nuôi gia cầm đang phát huy hiệu quả sử dụng đệm lót sinh học. Một số huyện đã xây dựng chương trình chăn nuôi nông hộ cam kết xử lý chất thải, giảm ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ cho việc xử lý rác thải trong lĩnh vực chăn nuôi nên việc giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm vẫn chưa triệt để.

## **2. Bài học kinh nghiệm**

*Một là*, cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nâng cao nhận thức, ý thức cho người dân trong thu gom, xử lý chất thải trong chăn nuôi, xử lý phụ phẩm trồng trọt và vỏ bao bì, chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng.

*Hai là*, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, kịp thời điều chỉnh những cơ chế chính sách chưa phù hợp nhằm huy động tốt nhất các nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời các địa phương làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi nói riêng và nông nghiệp nói chung.

*Ba là*, phát huy cao các nguồn lực tại chỗ; lồng ghép các chương trình, dự án; lựa chọn, ưu tiên hỗ trợ cho các vùng, các khu vực trọng điểm; tập trung hỗ trợ những vấn đề then chốt, để tạo bước đột phá, tạo động lực và làm mô hình học tập nhân rộng. Tranh thủ sự giúp đỡ của trung ương, kinh nghiệm các tỉnh bạn.

*Bốn là*, cần có chính sách đủ mạnh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia việc xử lý chất thải, BVMT nông thôn nhằm cải thiện một cách triệt để tình trạng ô nhiễm đang diễn ra với mức độ ngày càng cao.

## **Phần thứ hai**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH**

#### **I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH**

##### **1. Bối cảnh quốc tế và khu vực**

Hiện nay vấn đề ô nhiễm môi trường là một trong những mối quan tâm hàng đầu của nhân loại, ô nhiễm môi trường không còn là vấn đề của một quốc gia hay một khu vực mà đã trở thành vấn đề toàn cầu. Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc (FAO), chất thải của gia súc toàn cầu tạo ra 65% lượng Nitơ oxit ( $N_2O$ ) trong khí quyển. Đây là loại khí có khả năng hấp thụ năng lượng mặt trời cao gấp 296 lần so với khí  $CO_2$ . Cùng với các loại khí khác như  $CO_2$ ,  $CH_4$ ... gây nên hiệu ứng nhà kính làm trái đất nóng lên.

##### **2. Bối cảnh trong nước và trong tỉnh**

###### *2.1. Trong lĩnh vực trồng trọt:*

Tổng khối lượng phụ phẩm ở nước ta năm 2021 là trên 156 triệu tấn, bao gồm hơn 88 triệu tấn sau thu hoạch từ cây trồng, từ quá trình chế biến của ngành trồng trọt (chiếm 56,4%); trong sản xuất lúa gạo thì rơm là phụ phẩm phổ biến được sử dụng cho các mục đích khác chỉ khoảng 56%. Trong khi rơm có thể sử dụng hữu ích cho nhiều mục đích khác nhau, thậm chí bán trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, hiện nay hàng chục triệu tấn rơm của Việt Nam vẫn đang bị bỏ lãng phí hoặc đốt tại ruộng gây ô nhiễm môi trường.

Ngoài các loại phế phụ phẩm nông nghiệp, những mặt hàng nông sản tươi sống không tiêu thụ được bị biến thành loại rác thải gây ô nhiễm môi trường. Đây được đánh giá là sự lãng phí, trong khi nền nông nghiệp đang có nhu cầu rất lớn về phân bón.

Tại Thanh Hóa, theo thống kê năm 2021 tỷ lệ các hộ nông dân đem bán rơm thành phẩm cao nhất với 41,8%, kế tiếp là sử dụng để làm thức ăn và lót ổ cho gia súc (32,2%). Còn với các phương thức khác như ủ phân, phủ đất hoặc đun nấu có tỷ lệ tương đối thấp (dưới 10%), trong đó đun nấu ít được sử dụng nhất, chỉ chiếm 4,3%. Do phần lớn các hộ gia đình hiện nay thường sử dụng bếp ga, bếp điện... để đun nấu thức ăn nên rơm rạ ít được sử dụng cho mục đích này hơn. Ngoài ra, một số hộ nông dân cũng sử dụng rơm rạ sau thu hoạch vào những mục đích khác như trồng nấm rơm, lợp chuồng trại cho gia súc, gia cầm, làm chổi... Như vậy mỗi hộ gia đình chỉ sử dụng khoảng 1,5 – 1,7 tạ rơm rạ cho các mục đích khác nhau, do đó lượng rơm rạ bị thải bỏ để đốt đồng là tương đối lớn.

## 2.2. Trong lĩnh vực chăn nuôi:

Hiện nay tại Việt Nam có khoảng 12 triệu hộ gia đình có hoạt động chăn nuôi và 23.500 trang trại chăn nuôi tập trung. Với tổng đàn chăn nuôi 2,5 triệu con trâu, 6,5 triệu con bò, 28 triệu con lợn và 515 triệu con gia cầm. Có khoảng 40% chất thải không qua xử lý thải ra môi trường, 60% còn lại được xử lý, tuy nhiên phần lớn nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép. Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi đã được quan tâm, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.

Thanh Hóa hiện có số đầu gia súc, gia cầm lớn đứng đầu cả nước với tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh: Đàn trâu 190.000 con, đàn bò 265.000 con (trong đó bò sữa 11.800 con, bò thịt chất lượng cao 70.800 con), đàn lợn 1.185.000 con (trong đó lợn hướng nạc đạt 600 nghìn con), đàn gia cầm 23,65 triệu con (trong đó gà lông màu đạt 8 triệu con). Chăn nuôi lợn: Có 1.268 trang trại chăn nuôi (chiếm 37% tổng đàn lợn) và 92.399 hộ chăn nuôi (chiếm 63% tổng đàn); Chăn nuôi gia cầm: Có 1.956 trang trại chăn nuôi (chiếm 13,2% tổng đàn) và 503.566 hộ chăn nuôi; Chăn nuôi trâu bò: Có 15 trang trại chăn nuôi (chiếm 5 % tổng đàn trong đó có 03 trang trại bò sữa) và 128.951 hộ chăn nuôi. Tổng lượng chất thải rắn phát sinh 3.078 nghìn tấn/năm, bao gồm phân và nước thải.

## II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

### 1. Quan điểm

- Cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023 -2027 phải bám sát định hướng về phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX và các mục tiêu, chỉ tiêu Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025.

- Chính sách là động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường; bên cạnh các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải hiện đại, tiên tiến. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các doanh nghiệp, hộ chăn nuôi trong công tác bảo vệ môi trường, thúc đẩy xây dựng phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn phải phù hợp yêu cầu phát triển và thực tiễn sản xuất của địa phương nhằm huy động đối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

## **2. Mục tiêu đến năm 2027**

### *2.1. Mục tiêu tổng quát:*

- Xây dựng chính sách hỗ trợ công tác thu gom, xử lý chất thải, phụ phẩm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; ứng dụng công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả cao theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; nâng cao thu nhập và đời sống cư dân ở nông thôn.

### *2.2. Mục tiêu cụ thể:*

- Lĩnh vực trồng trọt:
  - + Giảm thiểu 20% chất thải trong lĩnh vực trồng trọt và giảm sử dụng tối thiểu 20% bao bì thuốc bảo vệ thực vật; thu gom 80% chất thải và tái sử dụng được tối thiểu 50% chất thải trong trồng trọt.
  - + Xây dựng, lắp đặt bổ sung 25.000 bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại vùng sản xuất tập trung trên địa bàn toàn tỉnh.
  - + Xây dựng 10 mô hình điểm về sử dụng thuốc BVTV an toàn và thu gom, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.
  - + Ít nhất 90% bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, các loại phụ phẩm phát sinh từ hoạt động sản xuất trồng trọt ở những khu vực sản xuất tập trung được thu gom.
  - + 100% bao gói thuốc BVTV sau sử dụng thu gom từ bể chứa, khu vực lưu chứa được vận chuyển, xử lý tiêu hủy theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Lĩnh vực chăn nuôi:
- + 100% các trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh có các công trình xử lý chất thải đảm bảo các điều kiện xử lý môi trường.
- + Trên 90% các hộ chăn nuôi có công trình xử lý chất thải hợp vệ sinh.

### **III. NỘI DUNG CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH**

#### **1. Lĩnh vực thủy sản**

- Về nuôi trồng thủy sản: Trong những năm qua, các doanh nghiệp và người dân đã từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự phát sang nuôi bán thâm canh, thâm canh áp dụng công nghệ cao. Đến năm 2021, diện tích nuôi trồng thủy sản là 19.200 ha (trong đó: nước mặn: 1000 ha; nước lợ: 4.100 ha; nước ngọt: 14.100 ha). Đối với nước ngọt tuy diện tích lớn nhưng hình thức nuôi chủ yếu là quảng canh cải tiến nên việc phát sinh rác thải, chất thải không nhiều; nguồn rác thải, chất thải phát sinh chủ yếu ở nuôi nước lợ với đối tượng tôm thẻ chân trắng nuôi thâm canh, bán thâm canh; các nguồn rác thải, chất thải phát sinh trong quá trình nuôi được các cơ sở thu gom, xử lý theo quy định. Đồng thời, các cơ sở khi thực hiện nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ theo quy định của Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017; Nghị định 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản; Thông tư 26/2018/TTBNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

- Về khai thác thủy sản: Trong thời gian, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chính sách, chương trình phát triển kinh tế thủy sản như Nghị quyết số 21/2021 ngày 17/7/2021 về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ mua thiết bị giám sát hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ vật liệu mới trong đóng mới hầm bảo quản sản phẩm khai thác thủy sản cho các tàu cá đánh bắt, hậu cần đánh bắt vùng khơi. Bên cạnh đó, thực hiện Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2025”, thường xuyên tuyên truyền đến các chủ tàu cá, ngư dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường biển, không xả rác thải, ngư cụ hư hỏng xuống biển mà thực hiện thu gom, phân loại và tập trung đúng nơi quy định tại các cảng cá và nơi neo đậu tự nhiên. Nguồn phát sinh rác thải, chất thải trong quá trình khai thác chủ yếu là rác thải sinh hoạt còn các loại ngư cụ hư hỏng thường được ngư dân thu gom để tái sử dụng.

Với những lý do trên, chưa đề xuất xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trong lĩnh vực nuôi trồng và khai thác thủy sản.

#### **2. Lĩnh vực lâm nghiệp**

Trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp, rác thải chủ yếu phát sinh trong hoạt động sản xuất cây giống tại vườn ươm và hoạt động trồng rừng (sử dụng túi bầu

polyetylen - PE). Năm 2021, lượng rác thải phát sinh khoảng 29 tấn túi bầu P.E; 0,6 tấn vỏ bao phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Chất thải được người dân thu gom, xử lý tập trung (chôn, đốt). Như vậy có thể thấy lượng rác thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất lâm nghiệp là không lớn, diện tích trồng rừng lại phân bố rải rác, manh mún việc ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp chưa khả thi. Hiện nay, ngành lâm nghiệp đang tiếp tục vận động người dân trồng rừng và các đơn vị cung ứng cây giống tăng cường sử dụng cây giống lâm nghiệp được ươm trong bầu hữu cơ tự hủy, thân thiện với môi trường để dần thay thế cho túi bầu PE. Đồng thời, để phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các chính sách (Nghị quyết số 185/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh); trong đó lĩnh vực lâm nghiệp đã có 04 chính sách, gồm: hỗ trợ trồng rừng sản xuất; hỗ trợ thâm canh rừng luồng, nứa, vầu; hỗ trợ làm đường lâm nghiệp vùng trồng rừng sản xuất tập trung; hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững.

Vì vậy, chưa đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2027.

### **3. Lĩnh vực chăn nuôi**

Các mô hình kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển khá mạnh cả về số lượng và quy mô, qua đó nâng cao thu nhập, tạo việc làm ổn định cho nhiều lao động nông thôn. Tuy nhiên, cùng với đó thì tình trạng ô nhiễm môi trường cũng thường xuyên xảy ra gây ra bức xúc ở khu dân cư. Trước thực trạng này thì một trong những giải pháp hữu hiệu đã được thực hiện thời gian qua là xây dựng hầm biogas quy mô hộ gia đình. Không chỉ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xây dựng hầm khí biogas còn giúp người dân tiết kiệm được chi phí mua chất đốt phục vụ sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống vùng nông thôn.

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện các thủ tục để tiếp nhận dự án “Khí sinh học cho ngành chăn nuôi phát thải thấp” do Tổ chức phát triển Hà Lan SNV viện trợ, dự án thực hiện trong giai đoạn 2022-2026 với tổng mức vốn là 7.431 triệu đồng, trong đó có nội dung hỗ trợ kỹ thuật, xây dựng/lắp đặt và vận hành 7.000 công trình khí sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Bên cạnh đó hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đang trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi thay thế Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trong đó có các chính sách về hỗ trợ xử lý chất thải trong chăn nuôi.

Với những lý do trên, chưa đề xuất xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

### **4. Lĩnh vực môi trường làng nghề**



Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì chức năng quản lý nhà nước về môi trường làng nghề do Ngành Tài nguyên và Môi trường quản lý nên Sở Nông nghiệp và PTNT không đề xuất chính sách.

## **5. Lĩnh vực trồng trọt**

### **5.1. Hỗ trợ xử lý chất thải là phụ phẩm trồng trọt:**

#### *a) Sự cần thiết phải ban hành chính sách:*

Việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng được quy định chi tiết tại Thông tư 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Trong đó quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng, các biện pháp xử lý phụ phẩm cây trồng gồm: cây vùi hoặc phay; ép xanh theo rãnh hoặc phủ luống; vùi trong hố đa năng hoặc che ủ gốc cây trồng, che phủ đất; ủ làm phân bón hữu cơ truyền thống; phơi khô làm thức ăn khô cho gia súc (rom) hoặc làm chất đốt. Ngoài các phương pháp trên, phụ phẩm trồng trọt (rom rạ, vỏ trấu, thân cây phơi khô) có thể làm nguyên liệu sản xuất điện sinh khối, than sinh học. Việc xử lý phụ phẩm cây trồng phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không lan truyền sinh vật gây hại. Khuyến khích việc sử dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật mới trong quá trình xử lý phụ phẩm cây trồng.

Hàng năm trên địa bàn toàn tỉnh sản xuất khoảng 1,5 triệu tấn lúa, tương ứng có khoảng 1,7-1,9 triệu tấn rom rạ và 0,3 triệu tấn vỏ trấu, ngoài ra còn có lượng lớn lá mía, thân cây ngô, phụ phẩm từ rau củ quả là nguồn nguyên liệu dồi dào cho sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất điện sinh khối và làm than sinh học, đây chính là các sản phẩm tái tạo thân thiện với môi trường.

#### *b) Đối tượng hỗ trợ:*

Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cơ sở sản xuất) thực hiện sản xuất phân bón hữu cơ hoặc làm than sinh học từ phụ phẩm trồng trọt.

#### *c) Điều kiện hỗ trợ:*

- Cơ sở sản xuất sử dụng 15.000 tấn phụ phẩm trồng trọt/năm trở lên.
- Thời điểm hỗ trợ khi hoàn thành xây dựng cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ, than sinh học.

#### *d) Mức hỗ trợ:*

- Hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, mua máy móc, thiết bị để xây dựng cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ từ nguyên liệu phụ phẩm trồng trọt với mức 5 tỷ đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ 01 lần kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, mua máy móc, thiết bị để xây dựng cơ sở sản xuất than sinh học từ nguyên liệu phụ phẩm trồng trọt, với mức 2 tỷ đồng/cơ sở.

#### *e) Cơ sở tính toán:*

Vận dụng chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đối với vùng sản xuất cây ăn quả tập trung theo Nghị quyết 185/2021/NQ-HĐND, đề xuất không quy định cụ thể tỷ lệ hỗ trợ tối đa so với nhu cầu đầu tư đối với mỗi cơ sở sản xuất, mà chỉ quy định mức hỗ trợ (5 tỷ đồng, 2 tỷ đồng) đối với mỗi cơ sở sản xuất, cụ thể như sau:

+ Cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ với công suất 15.000 tấn<sup>4</sup> phân bón/năm, sử dụng 25.000-30.000 tấn nguyên liệu là phụ phẩm trồng trọt, kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị khoảng 20 tỷ đồng. Hỗ trợ 5 tỷ đồng tương đương 25% tổng kinh phí.

+ Cơ sở sản xuất than sinh học với công suất 3.000 tấn than/năm, sử dụng 15.000 tấn nguyên liệu là phụ phẩm trồng trọt, kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị khoảng 10 tỷ đồng. Hỗ trợ 2 tỷ đồng tương đương 20% tổng kinh phí.

## **5.2. Hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống các bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại các vùng sản xuất trồng trọt tập trung:**

### *a) Sự cần thiết phải ban hành chính sách:*

Căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Tài nguyên và môi trường và Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (sau đây viết tắt là Thông tư 05): Điểm đ Khoản 2 Điều 3 Thông tư 05 quy định “01 bể chứa trên diện tích 03 ha đất canh tác cây trồng hàng năm hoặc 10 ha đất canh tác cây trồng lâu năm có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật”.

Tính đến 31/12/2021 toàn tỉnh có 197.450,86 ha đất trồng cây hàng năm, 45.670,71 ha đất trồng cây lâu năm (*theo báo cáo số 61/BC-UBND ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thống kê đất đai tỉnh Thanh Hóa năm 2021*). Theo Thông tư 05, cần 65.816,9 bể chứa đối với cây hàng năm, 4.567 bể chứa đối với cây lâu năm; tổng cần 70.384 bể chứa; hiện nay ước tính có khoảng 20.000 bể chứa, thiếu 50.384 bể chứa. Tuy nhiên để tăng hiệu quả sử dụng, giảm kinh phí thì chỉ tập trung vùng nông nghiệp trọng điểm, sản xuất chuyên canh tập trung rau màu, trồng lúa, cây ăn quả..., cần 50% số lượng bể chứa so với yêu cầu, tương đương 25.000 bể chứa.

Hiện nay, nông dân sau khi sử dụng thuốc BVTV thường không thu gom để xử lý mà thải ra đồng làm ảnh hưởng đến môi trường, do đó cần ban hành chính sách khuyến khích địa phương xây dựng hệ thống bể chứa, mua và lắp đặt hệ thống thùng chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại các vùng sản xuất trồng trọt tập trung.

### *b) Đối tượng hỗ trợ:*

---

<sup>4</sup> Trên cơ sở tham khảo thông tin một số cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ, sản xuất than sinh học, thông thường 02 tấn nguyên liệu phụ phẩm sản xuất được 1 tấn phân bón hữu cơ, 5 tấn phụ phẩm sản xuất được 1 tấn than sinh học

UBND cấp xã xây dựng các bể chứa để thu gom bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng tại các vùng sản xuất trồng trọt tập trung.

*c) Điều kiện hỗ trợ:*

- Bể chứa<sup>5</sup> xây dựng kiên cố, có nắp đậy, hình công tròn, tối thiểu đường kính 0,5m, cao 1m, hoặc thùng nhựa có nắp đậy, thể tích tối thiểu 0,25 m<sup>3</sup>/thùng, chứa đảm bảo quy mô 1bể chứa/3ha trồng trọt và 1 thùng chứa/0,5 ha trồng trọt.

- Thời điểm hỗ trợ khi hoàn thành xây dựng các bể chứa.

*d) Mức hỗ trợ:*

Hỗ trợ 0,5 triệu đồng/bể cho chi phí xi măng, nguyên vật liệu, công lao động.

*e) Cơ sở tính toán:*

Ước tính số lượng bể chứa hỗ trợ, tập trung tại các vùng trọng điểm trồng trọt, chuyên canh: 25.000 bể chứa, chi phí 2.000.000 đ/bể (đối với công thợ xây theo hình thức khoán thì để xây 01 m<sup>3</sup> bể chứa, vật liệu bằng gạch, xi măng và cát thì tiền công khoán đã 650.000 đồng/m<sup>3</sup>, chi phí gạch, cát, xi măng và các vật liệu, dụng cụ khác khoảng 1.350.000 đồng/m<sup>3</sup>).

**5.3. Hỗ trợ kinh phí vận chuyển, tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV:**

*a) Sự cần thiết phải ban hành chính sách:*

Bao thuốc BVTV được tập trung tại các bể chứa trên cánh đồng cần được vận chuyển đến nơi tiêu hủy, do đó cần hỗ trợ cho các địa phương một phần kinh phí cho công tác này.

*b) Đối tượng hỗ trợ:*

Hỗ trợ cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện có ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, tiêu hủy vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

*c) Điều kiện hỗ trợ:*

- Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom từ bể chứa hoặc khu vực lưu chứa được vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện phải có hợp đồng thu gom, vận chuyển, tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng với đối tác.

- Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng lưu chứa ở bể chứa hoặc khu vực lưu chứa phải được chuyển đi xử lý trong vòng 12 tháng

---

<sup>5</sup> Quy cách xây bể chứa được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Thông tư 05; vật liệu xây bể, chữ viết bên ngoài bể được quy định tại Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 3 Thông tư 05; Vị trí đặt quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Thông tư 05.

*d) Mức hỗ trợ:*

Hỗ trợ 70 triệu đồng/tấn.

*e) Cơ sở tính toán:*

Chi phí thu gom, vận chuyển, tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng khoảng 70 triệu đồng/tấn, hỗ trợ 70 triệu đồng/tấn, tương đương 100% chi phí.

**IV. Kinh phí thực hiện****1. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2023-2027**

Tổng kinh phí thực hiện: 53.450 triệu đồng, bình quân 10.690 triệu đồng/năm, trong đó:

**2. Phân kỳ đầu tư**

- Năm 2023: 8.490 triệu đồng.
- Năm 2024: 10.490 triệu đồng.
- Năm 2025: 8.490 triệu đồng.
- Năm 2026: 10.490 triệu đồng.
- Năm 2027: 15.490 triệu đồng.

*(Có chi tiết phụ biểu kèm theo)*

**3. Nguồn vốn thực hiện**

Từ nguồn sự nghiệp kinh tế phân bổ hàng năm của ngân sách tỉnh.

**4. Thời gian thực hiện**

Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2027.

**Phần thứ ba**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trách nhiệm của các ngành, các cấp****a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp vào dự toán ngân sách tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt để thực hiện.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách với UBND tỉnh.

b) Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện chính sách; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện chính sách của các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc triển khai thực hiện chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và các ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức, triển khai thực hiện chính sách.

d) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, nhân dân biết, tổ chức có hiệu quả chính sách này.

e) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phổ biến, đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện triển khai thực hiện. Căn cứ quy định về đối tượng, điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ và thực tế để xem xét, hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng theo thẩm quyền được giao; nghiệm thu, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục cấp phát, thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật trong việc hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng.

- Đôn đốc, kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi để các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách trên địa bàn; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện chính sách về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

g) Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường thực hiện công tác giám sát, phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt nội dung cơ chế, chính sách.

h) Liên minh HTX tỉnh phối hợp tuyên truyền các chủ trương chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; triển khai các chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ**

Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**PHỤ LỤC:****Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2027***Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	DVT	Tổng số		Giai đoạn 2023-2027									
					Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027	
			Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền	Khối lượng	Thành tiền
	<b>TỔNG KINH PHÍ</b>			<b>53.450</b>		<b>8.490</b>		<b>10.490</b>		<b>8.490</b>		<b>10.490</b>		<b>15.490</b>
<b>1</b>	<b>Chính sách hỗ trợ việc xử lý chất thải là phụ phẩm trồng trọt sau thu hoạch</b>			<b>46.000</b>		<b>7.000</b>		<b>9.000</b>		<b>7.000</b>		<b>9.000</b>		<b>14.000</b>
1.1	Hỗ trợ xây dựng cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ	Cơ sở	6	30.000	1	5.000	1	5.000	1	5.000	1	5.000	2	10.000
1.2	Hỗ trợ xây dựng cơ sở sản xuất than sinh học	Cơ sở	8	16.000	1	2.000	2	4.000	1	2.000	2	4.000	2	4.000
<b>2</b>	<b>Chính sách hỗ trợ việc xử lý chất thải là vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.</b>			<b>7.450</b>		<b>1.490</b>		<b>1.490</b>		<b>1.490</b>		<b>1.490</b>		<b>1.490</b>

2.1	Hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống các bể chứa, khu lưu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại các vùng sản xuất trồng trọt tập trung(mỗi năm hỗ trợ xây 1000 bể)	bể	25.000	5.000	5.000	1.000	5.000	1.000	5.000	1.000	5.000	1.000	5.000	1.000
2.2	Kinh phí vận chuyển, tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV (hỗ trợ thu gom, tiêu hủy khoảng 7 tấn/năm)	Tấn	35	2.450	7	490	7	490	7	490	7	490	7	490